

Bản án số: 151/2021/HC-PT

Ngày: 07-5-2021

V/v “*Kiến quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai*”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Điền

Ông Nguyễn Tấn Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa:*** Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 139/2021/TLPT-HC ngày 27 tháng 01 năm 2021 về: “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2020/HC-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo;

Giữa các đương sự:

\* ***Người khởi kiện:*** Ông Ngô Quang T, sinh năm 1933;

Địa chỉ: thôn Tr, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Võ Tuấn V, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 13, thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền ngày 12/6/2020)

\* ***Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Nguyễn X

Địa chỉ: Thôn Tr, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người kháng cáo:* Người khởi kiện - Ông Ngô Quang T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Trước đây ông Ngô Quang T có một thửa đất diện tích 1037m<sup>2</sup> tại xã C quản lý sử dụng ổn định từ năm 1975. Năm 2003, UBND xã C đã vận động hiến đất, ông T đồng ý hiến 600m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 437m<sup>2</sup> vẫn tiếp tục quản lý sử dụng ông T và có xây 1 hàng rào bằng để ngăn cách. Tuy nhiên, khi ông T xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND thành phố H không đồng ý vì cho rằng đã giao cho các hộ khác. Thực tế, diện tích đất này ông T vẫn quản lý sử dụng có tài sản là hàng rào và cây cối do ông T trồng. Ông T không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại và công văn trả lời của UBND thành phố H và khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định 1588/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại của ông Ngô Quang T;

- Hủy Công văn số 1562/UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn cho công dân;

- Buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quang T đối với diện tích 437m<sup>2</sup> (theo hồ sơ Nghị định 64/CP thuộc một phần thửa đất số 211, tờ bản đồ số 10 và một phần thuộc thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10) đúng theo quy định của pháp luật.

*Tại Công văn số 951/UBND ngày 03/4/2020 đại diện người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Đầu năm 2018, ông Ngô Quang T có đơn đề nghị Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 437m<sup>2</sup> tại thôn Đ, xã C, thành phố H. Sau khi nhận đơn của ông T, UBND thành phố H đã giao cho các cơ quan chuyên môn và UBND xã C tham mưu giải quyết. Trên cơ sở đó, UBND thành phố H đã ban hành Công văn số 1562/UBND ngày 16/5/2018 về việc trả lời đơn của ông Ngô Quang T với nội dung không có cơ sở giải quyết nội dung đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Không thống nhất với Công văn 1562/UBND ngày 16/5/2018, ngày 28/5/2018 ông T lập đơn khiếu nại và Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định 1588/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 theo đó không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông T bởi ông T không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm

2013, Điều 18 Nghị định 43/2014 và khoản 16 Điều 2 Nghị định 01/2017. Diện tích đất liên quan đến khiếu nại của ông T đã được UBND thị xã H (nay là thành phố H) giao đất cho 3 cá nhân trong quá trình thực hiện phương án khai thác đất xen cư để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã C năm 2003-2004, trong đó có 2 cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận và thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho người khác theo quy định của pháp luật. Hộ ông T đã nhận tiền đền bù toàn bộ cây cối trên diện tích khiếu nại vào ngày 21/4/2004 với số tiền 2.745.000đồng. Việc ông T cho rằng năm 2003, UBND xã C vận động ông T hiến đất để bố trí đất xen cư, ông T chấp nhận hiến 600m<sup>2</sup>, còn lại 437m<sup>2</sup> ông đề nghị cấp Giấy chứng nhận và UBND xã C hứa cấp Giấy chứng nhận cho ông là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C trình bày:*

Hiện trạng diện tích đất ông T khiếu nại khoảng 437m<sup>2</sup> có kích thước thửa đất sau: Khi thực hiện chõng ghép hiện trạng diện tích đất khiếu nại với sơ đồ phân lô thì nhận thấy UBND thành phố H đã ban hành Quyết định giao đất cho 03 cá nhân:

+ Thuộc 1 phần thửa đất số 467, tờ bản đồ số 10, diện tích 200m<sup>2</sup> được UBND thị xã H giao đất cho bà Nguyễn Thị Thùy H1 để xây dựng nhà ở và đã được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D882907 ngày 29/9/2004. Đến năm 2011 bà Nguyễn Thị Thùy H1 chuyển nhượng thửa đất cho ông Phạm Thanh M và bà Trần Thị Huyền D.

+ Thuộc toàn bộ thửa đất 468, tờ bản đồ số 10, diện tích 200m<sup>2</sup> được UBND thị xã H giao đất cho bà Nguyễn Thị Thùy H1 để làm nhà ở.

+ Thuộc toàn bộ thửa đất số 511, tờ bản đồ số 10, diện tích 200m<sup>2</sup> do ông Phạm Khắc V làm chủ sử dụng và một phần thửa 469, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m<sup>2</sup> do ông Phạm Khắc S là chủ sử dụng.

Tại thời điểm tiến hành kiểm kê, đền bù dự án bố trí đất xen cư 13 lô với diện tích 2600m<sup>2</sup> có 5 hộ bị ảnh hưởng. Trên phạm vi đất này có một số cây dương liễu của người dân trồng, lúc đó chỉ kiểm kê cây cối trên tổng diện tích đất chứ không xác định phần diện tích riêng từng hộ được đền bù cây cối trên đất. Tại thời điểm 2003 do áp dụng Luật Đất đai 1993 nên Nhà nước không tiến hành bồi thường về đất, UBND xã C đã tiến hành thủ tục kê khai và áp giá đền bù cho những hộ có cây cối hoa màu trên đất, trong đó có hộ ông Ngô Quang T. Hộ ông T đã nhận tiền đền bù toàn bộ cây cối trên diện tích đất khiếu nại vào ngày 21/4/2004 với tổng số tiền 2.745.000 đồng. Hiện nay, số dương liễu trên diện tích đất ông T khiếu nại không xác định được là của ai, bờ đá ông T trình bày do ông Ngô Tiến L xây dựng vào năm 2004, hàng rào trụ bê tông và tre do ông T xây dựng vào ngày 18/9/2016.

Việc ông T cho rằng năm 2003, UBND xã vận động ông hiến đất để bố trí đất xen cư, ông T chấp nhận hiến 600m<sup>2</sup> đất còn lại 437m<sup>2</sup> UBND xã C hứa cấp Giấy chứng nhận cho ông là không có cơ sở vì không có hồ sơ, tài liệu nào thể hiện nội dung trên, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên,

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 60/2020/HC-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại 2011; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang T về việc: Hủy Quyết định 1588/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại của ông Ngô Quang T; hủy Công văn số 1562/UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn cho công dân; buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quang T đối với diện tích 437m<sup>2</sup> (theo hồ sơ Nghị định 64/CP thuộc một phần thửa đất số 211, tờ bản đồ số 10 và một phần thửa đất số 216, tờ bản đồ số 10) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/12/2020, ông Ngô Quang T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Quang T cho rằng diện tích đất còn lại là 437 m<sup>2</sup> hiện nay ông T vẫn đang quản lý sử dụng, có tài sản trên đất là bờ tường rào xây dựng và cây cối. Các hộ được giao đất tại các Quyết định số 1369; 1377; 1374 vào năm 2003 đều nằm trên diện tích đất 600m<sup>2</sup>; không liên quan đến diện tích đất còn lại là 437 m<sup>2</sup> hiện nay đang có tranh chấp. Văn bản số 1562 ngày 16/5/2018 và Quyết định số 1588 ngày 03/9/2019 của UBND thành phố H không đúng khi cho rằng diện tích đất 437m<sup>2</sup> đã giao cho ông Phạm Khắc V, bà Nguyễn Thị Hoài Th, bà Nguyễn Thị Thùy H1 sử dụng, nhưng thực tế những người này đang sử dụng đất ở diện tích khác, không trùng với diện tích 437m<sup>2</sup> ông T đang quản lý.

Tòa án tỉnh Quảng Nam không triệu tập những người được giao đất là ông Phạm Khắc V, bà Nguyễn Thị Hoài Th, bà Nguyễn Thị Thùy H1 tham gia

phiên tòa sơ thẩm để chứng minh là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để đưa những người được giao đất vào tham gia tố tụng và giải quyết lại vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H cho rằng việc triệu tập những người được giao đất là không cần thiết, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hành chính.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc đưa những người được giao đất vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì đây là vụ án hành chính; thửa đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã quản lý, ông Ngô Quang T không kê khai, đăng ký sử dụng đất nên quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố H là đúng pháp luật, kháng cáo của ông Ngô Quang T là không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Ông Ngô Quang T khiếu nại yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 437m<sup>2</sup>; hồ sơ đăng ký đất đai theo Chỉ thị 299/TTg thể hiện thửa đất này thuộc một phần thửa đất 230, tờ bản đồ số 02, diện tích 3172m<sup>2</sup> loại đất hoang do Nhà nước quản lý và một phần thửa đất 231, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.257m<sup>2</sup>, loại đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý; theo hồ sơ Nghị định 64/CP thuộc một phần thửa đất số 211, 212, 213, tờ bản đồ số 10, đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý. Qua các thời kỳ thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, ông T không thực hiện kê khai, đăng ký đối với diện tích đất 437m<sup>2</sup>.

[2] Vào năm 2003 – 2004, thời điểm tiến hành kiểm kê, đền bù dự án bố trí đất xen cư 13 lô với diện tích 2600m<sup>2</sup> thì có các hộ đang trồng cây trên đất bị ảnh hưởng, trong đó có hộ ông Ngô Quang T. Tại Biên bản xác định kinh phí đền bù giải tỏa cấp đất xen cư ngày 20/4/2004 thể hiện ông T được kiểm kê và bồi thường về cây với số tiền 2.745.000 đồng, không thể hiện ông T được bồi thường về đất. Hiện nay, thửa đất ông T khiếu nại được UBND thành phố H giao đất có thu tiền cho 3 hộ cá nhân vào năm 2003-2004, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hai hộ đã chuyển nhượng cho người khác.

[3] Quá trình giải quyết khiếu nại, UBND thành phố H tiến hành xác minh hiện trạng thửa đất ông T đang khiếu nại. Tại biên bản xác minh ngày 07/9/2018, không thể hiện có tài sản hay vật kiến trúc trên đất. UBND xã C xác định trên đất ông T khiếu nại có một số cây dương liễu nhưng ông T không chứng minh được đó là do ông T trồng, đối với hàng rào trụ bê tông và tre như ông T trình bày được ông xây dựng vào năm 2016 khi phát sinh tranh chấp với hộ ông Phạm Khắc S.

[4] Ông T cho rằng năm 2003, UBND xã C vận động ông hiến đất để bố trí đất xen cư, ông chấp nhận hiến 600m<sup>2</sup>, còn 437m<sup>2</sup> UBND xã C hứa sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tuy nhiên, UBND thành phố H và UBND xã C cho rằng không có việc vận động hiến đất và hứa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông T trình bày. Ông T cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trên.

[5] Xét ông Ngô Quang T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc kê khai, đăng ký và sử dụng đất qua các thời kỳ. UBND thành phố H căn cứ vào các quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai 2013, ban hành Công văn số 1562/UBND ngày 16/5/2018 không chấp nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với thửa đất có diện tích 437m<sup>2</sup> trên và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1588/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người được giao đất vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện trong vụ án này.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Quang T về yêu cầu hủy Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại của ông Ngô Quang T; hủy Công văn số 1562/UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn cho công dân; buộc UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quang T đối với diện tích 437m<sup>2</sup>, là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Quang T.

[8] Ông Ngô Quang T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

- 1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Quang T.**
- 2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2020/HC-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.**
- 3. Án phí hành chính phúc thẩm:  
Ông Ngô Quang T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Tự**